

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 13 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						480 618	246 168	238 742			
I		CẢNG CHÍNH						156 931	70 836	90 387			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						59 247	57 276	4 270			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	09/7	441-C/6		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 070	25 237	1 833	11/7	HỘ LỚN	MỎN:25.041,85
2		ĐẠM NINH BÌNH	11/7	457/7	21/7	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045	3 001	44	12/7	HỘ LỚN	MỎN:3,011,06
3		KDT MIỀN BẮC	07/7	1693-B/7	17/7	VTA OCEANUS	CÁM 5A.1	15 000	14 991	9	12/7	PTCB	THAY TBGT SỐ 1693/7
							CÁM 5B.1	5 000	4 996	4	12/7	PTCB	
4		ĐTTM&DV	10/7	1688/7	17/7	HP 5097	CỤC XỎ 1C	1 030	1 006	24	10/7	TD	GIA HẠN L1
5		KDT HÀ NỘI	09/7	1655-B/6	16/7	BN 1386	CỤC 4A.2	1 000	993	7	10/7	TD	THAY TBGT SỐ 1655
6		COALIMEX	09/7	1593/6	16/7	BN 1818	CÁM 4B.1	1 982	1 950	32	10/7	TD	GIA HẠN L2
7		TRƯỜNG ANH 888	09/7	1635/6	16/7	QN 7535	CÁM 4B.1	1 100	1 093	7	10/7	TD	GIA HẠN L2
8		VTT	02/7	1652/6	09/7	BN 2776	CÁM 4B.1	1 720	1 710	10	11/7	TD	GIA HẠN L1
9		ANH KHOA	11/7	1763/7	18/7	HN 2402	CÁM 4B.1	2 300	2 299	2 300	12/7	TD	THAY TBGT SỐ 1751/7
		Tàu dự kiến rút trong ngày						32 750	13 560	21 183			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	29/6	432/6		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000	11 567	11 433	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	08/7	1744/7	18/7	VIỆT THUẬN 10-02	CÁM 5A.1	4 950	989	4 950	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3		NHÔM ĐẮK NÔNG	08/7	1745/7	18/7	VIỆT THUẬN 10-02	CÁM 5A.1	4 800	1 004	4 800	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						64 934		64 934			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/7	449/7		VIỆ THUẬN 30-05	CÁM 6A.1	29 400		29 400		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/7	456/7		VIỆT THUẬN 26-03	CÁM 6A.1	25 700		25 700		HỘ LỚN	TTCO:25.700
3		KDT HẢI PHÒNG	02/7	1681/7	12/7	BN 0766	CÁM 5A.1	1 250		1 250		PTCB	
4		THAN MIỀN TRUNG	09/7	1656/6	16/7	Ả ĐỒNG 36 (BN 1789)	CỤC XỎ 1C	1 500		1 500		TD	GIA HẠN L2
5		SXTM THAN UÔNG BÍ	09/7	1664/6	16/7	BN 1468	CÁM 4B.1	1 140		1 140		TD	GIA HẠN L2
6		ĐTTM&DV	09/7	1671/6	16/7	BN 2308	CÁM 4B.1	1 684		1 684		TD	GIA HẠN L2
7		KDT MIỀN BẮC	06/7	1713/7	13/7	BN 2706	CÁM 4A.1	1 500		1 500		TD	THAY TBGT SỐ 1668/6
8		VTRACO	08/7	1743/7	15/7	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 160		1 160		TD	
9		DVVT QUẢNG NINH	11/7	1538/6	18/7	BN 2556	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	GIA HẠN L3
		Tàu chuyển tải						210 700	120 774	89 926			
		Tàu đã làm hàng						46 100	49 884	-3 784			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	30/6	439/6		QUANG VINH 188	CÁM 5A.14	22 800	22 785	15	11/7	HỘ LỚN	KDTCP: 9.995,12 - CLM: 12.790,13
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/7	425-B/7		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 5A.10	23 300	27 099	-3 799	13/7	HỘ LỚN	CLM: 19.417,45 - KVDB:3.855,11
		Tàu dự kiến rút trong ngày						139 000	70 890	68 110			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 7 NĂM 2026

[illegible]

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 13 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						42 154	22 026	20 128			
		Tàu đã làm hàng						22 210	22 026	184			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	06/7	1718	16/7	HUY HOÀNG 838	Cám 5a.1	3 150	3 143	7	10/7	PTCB	
2		XNK THAN VINACOMIN	08/7	1750	19/7	NHẬT MINH 69	Cám 5b.1	3 570	3 562	8	10/7	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	07/7	1733	17/7	AN BÌNH 99	Cám 6a.1	1 170	1 160	10	11/7	PTCB	
							Cám 6b.1	2 340	2 339	1	11/7	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	08/7	1749	18/7	HOÀNG ANH 268	Cám 6a.1	3 800	3 744	56	11/7	PTCB	
5		CROMIT THANH HÓA	08/7	1746	18/7	HÙNG KHÁNH 86	Cám 5b.1	3 100	3 023	77	11/7	PTCB	
6		DVVT QUẢNG NINH	09/7	1 754	16/7	BN 0758	Don 8a	1 200	1 189	12	11/7	TD	
7		KHO VẬN ĐÁ BẠC	10/7	1 761	20/7	CẨM PHẢ 22	Cám 5b.1	3 880	3 865	15	12/7	CHUYỂN VÙNG	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						19 944		19 944			
1		CROMIT THANH HÓA	06/7	1720	16/7	MINH HĂNG 36	Cám 5a.1	4 050		4 050		PTCB	
2		KDT BẮC TRUNG BỘ	08/7	1741	18/7	TẤN PHÚC 01	Cám 5a.1	3 300		3 300		PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	10/7	1758	20/7	NB 8767	Cám 5a.1	4 050		4 050		PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	10/7	1759	20/7	HOÀNG ANH 568	Cám 5a.1	3 300		3 300		PTCB	
5		CROMIT THANH HÓA	12/7	1768	22/7	PHƯƠNG BẠCH 36	Cám 5a.1	3 100		3 100		PTCB	
6		DVVT QUẢNG NINH	11/7	1 764	18/7	BN 2196	Cục 1b	1 200		1 200		TD	
7		CP VTT -VINACOMIN	12/7	1 767	19/7	QN 8748	Don 8a	944		944		TD	
		Tàu đã làm lệnh											
V		TÀU XUẤT KHẨU						8 000	1 000	7 000			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						5 000	1 000	4 000			
1		THÁI LAN	09/7			SUNESHINE 01	CỤC 4B.3	5 000	1 000	4 000	RÓT ĐỔ		
		Tàu đã làm lệnh						3 000		3 000			
1		CAMPUCHIA	10/7			NAM SON 16	CỤC 4A.2	3 000		3 000			
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				38 000	22 077	15 923			
		Tàu đã làm hàng						15 000	15 454	- 454			
1		NAM PHI		CLM		MV ALEXANDRIS		15 000	15 454	- 454	12/7		KVCP: 15.000
		Tàu dự kiến rút trong ngày						23 000	6 623	16 377			
1		ÚC		CLM		MV GLORY ALBATROSS		18 000	6 123	11 877	BỐC ĐỔ		TTCO: 18.000

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 13 THÁNG 7 NĂM 2026

[illegible]

